

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Chăn nuôi ngày 14/7/2021 13:37 14/07

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Giá heo Trung Quốc giảm khá mạnh vào hôm nay với mức giảm 0,31 tệ/kg, xuống còn 16 tệ/kg, tương đương 57.000 đồng/kg do các trại đẩy heo ra bán nhiều hơn sau khi giá heo không tăng mạnh như kỳ vọng. Mưa lớn liên tiếp kể từ cuối tuần trước khiến mực nước các sông dâng cao, gây lũ lụt tại khu vực miền Trung và miền Nam, làm gián đoạn các hoạt động vận chuyển và tiêu thụ heo. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo cũng có xu hướng giảm, còn 16,6-17 tệ/kg, tương đương 59-61.000 đồng/kg.

- Chốt phiên giao dịch ngày 13/07, giá heo hơi các kỳ hạn trên sàn Đại Liên, đồng loạt giảm từ 1-2% xuống quanh 18-18.7 tệ/kg, tương đương 64-67.000 đồng/kg do nguồn cung heo được kỳ vọng tiếp tục tăng trong những tháng còn lại của năm 2021.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- Tại miền Bắc Việt Nam, giá heo tiếp tục giữ ổn định quanh mức 56-58.000 đồng/kg tùy công ty và tùy chất lượng heo. Mức giá 55.000 đồng/kg hoặc 60.000 đồng/kg vẫn được một số công ty áp dụng nhưng không phải là giao dịch phổ biến.

- *Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:* Thương lái cho biết, heo biểu to trên 120 kg tại miền Trung vẫn được đóng ra Bắc để giết mổ luôn với giá quanh 55.500 đồng/kg. Bên cạnh đó, một số thương lái đang mua heo nguyên chuồng của một số công ty lớn khu vực Đắc Lắc cho biểu cân quanh 110 kg/con với giá khoảng 53.500 đồng/kg để bán về các khu vực nuôi gột quanh chợ Hà Nam. Theo ước tính, mỗi ngày có khoảng trên dưới 20 xe heo từ miền Trung đóng ra Hà Nam, trong đó có khoảng 5-6 xe đưa về chợ tiêu thụ, còn lại đưa vào nuôi gột.

- Tại miền Tây, hôm nay giá heo tại một số vùng tiếp tục tăng, lên cao nhất 60.000 đồng/kg do nhu cầu mua heo tích trữ tăng trong bối cảnh nhiều tỉnh miền Tây tiến hành giãn cách xã hội.

- Tại miền Đông, do các chợ đầu mối TPHCM vẫn đóng cửa và chưa có phương án cụ thể về việc mở lại nên mô hình bán thịt heo thông qua xe lưu động được triển khai nhiều hơn. Quy định các tài xế phải có giấy xét nghiệm âm tính và nhiều tỉnh kiểm soát chặt xe ra vào nên việc vận chuyển heo giữa các tỉnh miền Nam đang gặp rất nhiều khó khăn, làm tăng áp lực hàng tồn kho.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo về chợ giảm lại, còn khoảng 1.500-1.600 con, trong đó có khoảng 1.000 con là heo miền Trung, còn lại là heo dân quanh chợ bán ra. Lượng heo về giảm nhưng khách tới chợ ít nên giá hàng đầu vẫn giao dịch quanh 62.000 đồng/kg, phổ biến 57-58.000 đồng/kg.

Giao dịch thương mại

Cửa khẩu khu vực miền Bắc

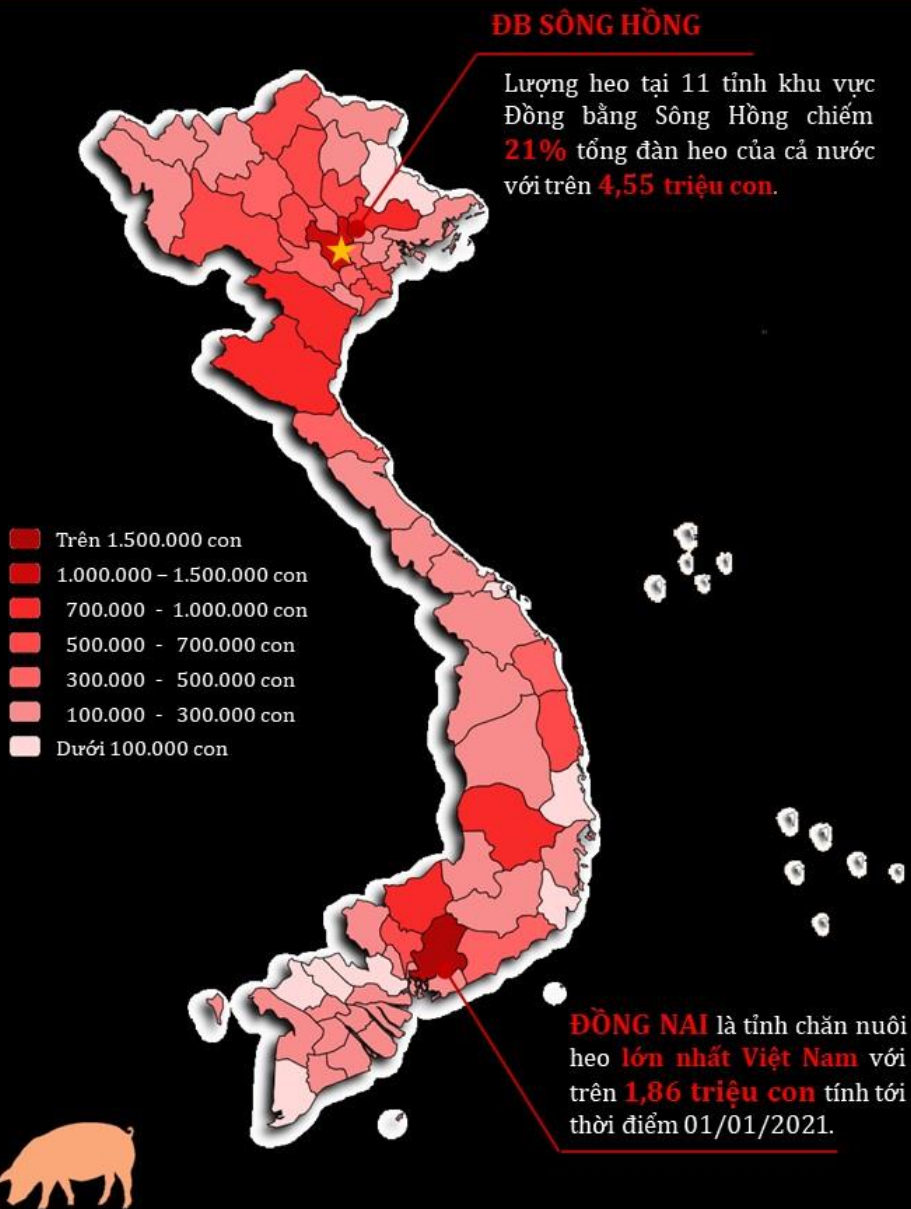
- Tại Trung Quốc, giá heo thịt duy trì ở mức thấp, quanh vùng giá thành sản xuất nên nhu cầu mua heo con vào nuôi yếu, trong khi nguồn cung heo con ra thị trường tăng, kéo giá heo con tại Trung Quốc giảm còn quanh 800.000 đồng/kg, thấp hơn trên 1.000.000 đồng/con so với miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, các cửa khẩu vùng biên kiểm soát chặt và rủi ro hao hụt lớn khi tặc biên nên heo từ Trung Quốc chưa được đưa về Việt Nam tiêu thụ.

Cửa khẩu khu vực miền Trung

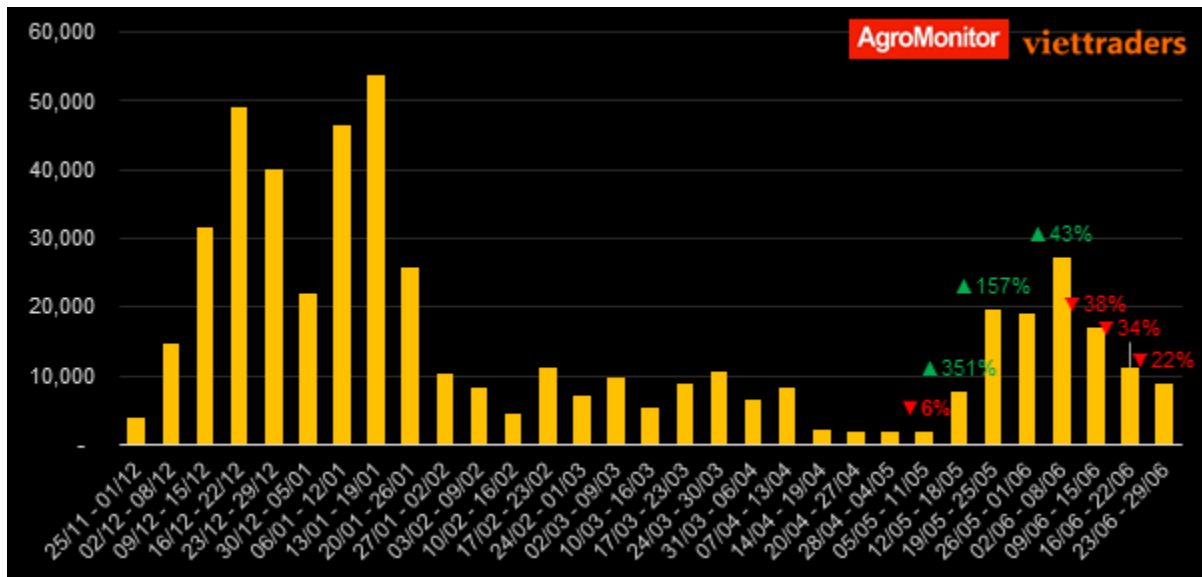
- Do giá heo bên Thái Lan hạ nên giá chào bán về cửa khẩu Việt Nam cũng giảm còn 58-59.000 đồng/kg nhưng do nhu cầu mua chậm và giá này cao hơn giá heo nội địa nên heo Thái không có hàng về cửa khẩu.

Lược đồ mật độ phân bố đàn heo Việt Nam tính tới thời điểm 01/01/2021 16:26 24/06

LƯỢC ĐỒ MẬT ĐỘ PHÂN BỐ ĐÀN HEO VIỆT NAM NĂM 2020



Diễn biến lượng Heo Thái nhập về Việt Nam phục vụ giết mổ theo tuần 15:31 06/07



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI NGÀY 14/07/2021

<p>Thị trường Heo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, giá heo tiếp tục giữ ổn định quanh mức 56-58.000 đồng/kg tùy công ty và tùy chất lượng heo. Mức giá 55.000 đồng/kg hoặc 60.000 đồng/kg vẫn được một số công ty áp dụng nhưng không phải là giao dịch phổ biến. - Tại miền Nam, quy định các tài xế phải có giấy xét nghiệm âm tính và nhiều tỉnh kiểm soát chặt xe ra vào nên việc vận chuyển heo giữa các tỉnh đang gặp rất nhiều khó khăn, làm tăng áp lực hàng tồn kho. Riêng tại miền Tây, hôm nay giá heo tại một số vùng tiếp tục tăng, lên cao nhất 60.000 đồng/kg do nhu cầu mua heo tích trữ tăng trong bối cảnh nhiều tỉnh miền Tây tiến hành giãn cách xã hội. - Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: Hiện heo biểu to trên 120kg từ miền Trung vẫn được đóng ra Bắc để giết mổ luôn với giá quanh 55.500 đồng/kg. Bên cạnh đó, heo biểu quanh 110 kg/con bắt nguyên chuồng từ Đắc Lắc có giá khoảng 53.500 đồng/kg cũng đang được gom ra để bán về các khu vực nuôi gột quanh chợ Hà Nam. Ước tính, mỗi ngày có khoảng trên dưới 20 xe heo từ miền Trung đóng ra Hà Nam. - Giá heo con tại Trung Quốc giảm mạnh còn quanh 800.000 đồng/kg, thấp hơn trên 1.000.000 đồng/con so với miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, các cửa khẩu vùng biên kiểm soát chặt và rủi ro hao hụt lớn khi tắc biên nên heo từ Trung Quốc chưa được đưa về Việt Nam tiêu thụ. - Tại cửa khẩu khu vực miền Trung, do giá heo bên Thái Lan hạ nên giá chào bán về cửa khẩu Việt Nam cũng giảm còn 58-59.000 đồng/kg nhưng do nhu cầu mua chậm và giá này cao hơn giá heo nội địa nên heo Thái không có hàng về cửa khẩu.
------------------------------	--

Thị trường Gia cầm

- Tại miền Bắc, do thời tiết nắng nóng cộng với việc nhà hàng/quán ăn tại Hà Nội buộc phải đóng cửa phòng tránh sự lây lan của dịch Covid 19 khiến tiêu thụ nội vùng sụt giảm, kéo giá gà trắng giảm còn cao nhất 31.500 đồng/kg. Cùng chiều, giá gà tại miền Nam cũng giảm còn 16-19.000 đồng/kg. Chênh lệch giá giữa 2 miền Nam-Bắc được giãn rộng (14-15.000 đồng/kg), hấp dẫn cánh thương lái vào Bình Dương, Bình Phước gom từ 8-10.000 con/ngày ra tiêu thụ.

- Với vịt thịt, giá vịt tại miền Bắc hôm nay sụt mạnh xuống còn 39-40.000 đồng/kg do tiêu thụ sụt giảm, trong khi các hộ chăn nuôi lo sợ giá có thể giảm thêm nên bán chạy đàn nhiều hơn khiến nguồn cung đẩy ra thị trường tăng cao. Trong khi đó, tại miền Nam, giá vịt có biến động trái chiều khi khu vực Bình Dương giảm tiếp còn 35.000 đồng/kg nhưng miền Tây lại nhích lên đầu giá 38.000 đồng/kg do nguồn cung trong dân hạn hẹp.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- Tại miền Bắc Việt Nam, giá heo tiếp tục giữ ổn định quanh mức 56-58.000 đồng/kg tùy công ty và tùy chất lượng heo. Mức giá 55.000 đồng/kg hoặc 60.000 đồng/kg vẫn được một số công ty áp dụng nhưng không phải là giao dịch phổ biến.

- Thương lái cho biết, heo biểu to trên 120 kg tại miền Trung vẫn được đóng ra Bắc để giết mổ luôn với giá quanh 55.500 đồng/kg. Bên cạnh đó, một số thương lái đang mua heo nguyên chuồng của một số công ty lớn khu vực Đắc Lắc cho biểu cân quanh 110 kg/con với giá khoảng 53.500 đồng/kg để bán về các khu vực nuôi gột quanh chợ Hà Nam. Theo ước tính, mỗi ngày có khoảng trên dưới 20 xe heo từ miền Trung đóng ra Hà Nam, trong đó có khoảng 5-6 xe đưa về chợ tiêu thụ, còn lại đưa vào nuôi gột.

- Tại miền Tây, hôm nay giá heo tại một số vùng tiếp tục tăng, lên cao nhất 60.000 đồng/kg do nhu cầu mua heo tích trữ tăng trong bối cảnh nhiều tỉnh miền Tây tiến hành giãn cách xã hội.

- Tại miền Đông, do các chợ đầu mối TPHCM vẫn đóng cửa và chưa có phương án cụ thể về việc mở lại nên mô hình bán thịt heo thông qua xe lưu động được triển khai nhiều hơn. Quy định các tài xế phải có giấy xét nghiệm âm tính và nhiều tỉnh kiểm soát chặt xe ra vào nên việc vận chuyển heo giữa các tỉnh miền Nam đang gặp rất nhiều khó khăn, làm tăng áp lực hàng tồn kho.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	14/07/2021	13/07/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	58,500	58,500	59,500-60,500
	Miền Trung	55,500-59,500	55,500-59,500	56,500-61,500
	Miền Bắc	57,000-61,000	57,000-61,000	60,000-63,000
	Miền Tây	59,000	59,000	60,000-61,000
Heo dân	Miền Bắc			
	Thái Bình	56,000-58,000	56,000-59,000	57,000-61,000
	Bắc Giang	56,000-58,000	56,000-58,000	57,000-61,000

Hà Nội	55,000-58,000	55,000-58,000	58,000-61,000
Miền Trung			
Nghệ An	57,000-58,000	57,000-58,000	57,000-60,000
Bình Định	57,000-59,000	57,000-59,000	54,000-56,000
Đắk Lắk	52,000-55,000	52,000-55,000	54,000-57,000
Miền Nam			
Đồng Nai	53,000-56,000	53,000-56,000	53,000-58,000
Tiền Giang	56,000-58,000	55,000-58,000	51,000-54,000
Bến Tre	56,000-60,000	56,000-58,000	50,000-53,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa (VND/kg)

Khu vực	Loại heo	14/07/2021	13/07/2021
Miền Nam	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	120.000-128.000	120.000-128.000
	Heo CP – loại xách tai 6-7 kg	2.000.000-2.100.000	2.000.000-2.100.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.800.000-2.000.000	1.800.000-2.000.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	140.000	140.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.700.000-2.000.000	1.800.000-2.000.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.800.000-2.100.000	1.800.000-2.100.000

Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo về chợ giảm lại, còn khoảng 1.500-1.600 con, trong đó có khoảng 1.000 con là heo miền Trung, còn lại là heo dân quanh chợ bán ra. Lượng heo về giảm nhưng khách tới chợ ít nên giá hàng đầu vẫn giao dịch quanh 62.000 đồng/kg, phổ biến 57-58.000 đồng/kg.

Bảng 3. Giá heo mảnh tại các chợ đầu mối/lò mổ miền Bắc (đồng/kg)

Ngày	Lò mổ Vạn Phúc – Hà Nội
08/07	76,000-78,000
09/07	76,000-78,000
12/07	70,000-75,000
13/07	70,000-75,000
14/07	70,000-75,000

Bảng 4. Giá heo mảnh của các công ty (đồng/kg)

Ngày	14/07/2021	13/07/2021
CP - miền Bắc	76,000	76,000
CP - miền Nam	72,500	72,500
CJ – miền Nam	71,500	71,500
Emivest – miền Nam	71,500	71,500

Bảng 5. Giá phụ phẩm (đầu lòng) heo tại lò mổ (VND/kg)

Ngày	14/07/2021	13/07/2021
Lò mổ Vạn Phúc – Hà Nội	55.000-60.000	55.000-60.000
Lò mổ Lộc An - TPHCM	24.000	24.000

Giao dịch thương mại

Cửa khẩu khu vực miền Bắc

- Tại Trung Quốc, giá heo thịt duy trì ở mức thấp, quanh vùng giá thành sản xuất nên nhu cầu mua heo con vào nuôi yếu, trong khi nguồn cung heo con ra thị trường tăng, kéo giá heo con tại Trung Quốc giảm còn quanh 800.000 đồng/kg, thấp hơn trên 1.000.000 đồng/con so với miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, các cửa khẩu vùng biên kiểm soát chặt và rủi ro hao hụt lớn khi tắc biên nên heo từ Trung Quốc chưa được đưa về Việt Nam tiêu thụ.

Cửa khẩu khu vực miền Trung

- Do giá heo bên Thái Lan hạ nên giá chào bán về cửa khẩu Việt Nam cũng giảm còn 58-59.000 đồng/kg nhưng do nhu cầu mua chậm và giá này cao hơn giá heo nội địa nên heo Thái không có hàng về cửa khẩu.

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Gà trắng

- Tại miền Bắc, giá gà trắng tại các công ty lớn tiếp tục giảm về quanh mức 30.5-31.500 đồng/kg do thời tiết nắng nóng cộng với việc nhà hàng/quán ăn tại Hà Nội buộc phải đóng cửa phòng tránh sự lây lan của dịch Covid 19 khiến tiêu thụ nội vùng sụt giảm. Gà trong Nam cũng rục rịch được gom ra Bắc khiến nguồn cung nội vùng nhiều hơn, theo đó, giá gà tại trại dân cũng giảm về quanh ngưỡng 30.5-31.500 đồng/kg.

- Có diễn biến tương tự, giá gà trắng tại miền Nam tiếp đã giảm còn 16-17.000 đồng/kg với biểu 2.8 kg/con, 18-19.000 đồng/kg với biểu trên 3 kg/con. Mặc dù nguồn cung gà tại trại dân vẫn hơn nhưng do các kênh tiêu thụ truyền thống vẫn ngưng hoạt động khiến gà tại trại dân bị tồn lại.

- Chênh lệch giá giữa 2 miền Nam-Bắc được giãn rộng (14-15.000 đồng/kg), mức chênh lệch hấp dẫn với cánh thương lái khiến xe ngoài Bắc bắt chập vào khu vực Bình Dương, Bình Phước bắt gà ra tiêu thụ trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, với lượng khoảng 8-10.000 con/ngày.

Bảng 6. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

Loại gia cầm/Khu vực	14/07/2021	13/07/2021	Tuần trước
Gà trắng hơi – miền Bắc (Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên)	30.500- 31.500	32.500- 33.500	30.000- 33.500
Gà trắng hơi – miền Nam (Đồng Nai, Bình Phước)	16.000- 19.000	19.000- 21.000	21.000- 28.000

Bảng 7. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	14/07/2021	13/07/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	6.000-6.500	6.000-6.500
	Ăn cám công ty	5.000	5.000
DOC- miền Nam	Bán ngoài	11.000-12.000	11.000-12.000
	Ăn cám công ty	9.500	9.500

Bảng 8. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	14/07/2021	13/07/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2600	2600
	Mix04(>=20.3kg)	2500	2500
	Mix05(>=19.3kg)	2400	2400
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2200	2200
	Loại 22.5kg	2100	2100
	Loại 21.5kg	2000	2000
	Loại 20.5kg	1950	1950
	Loại 19.5kg	1900	1900

Gà màu

- Tại miền Bắc, dù các hộ chăn nuôi vào đàn chậm hơn nhưng do nguồn cung giống gà lai hồ và lai mía khan nên giá gà giống loại này đồng loạt nhích nhẹ lên mức phổ biến 9-10.000 đồng/con. Với đàn 30 mái 70 trống, giá bán có thể lên tới 14.000 đồng/con.

Bảng 9. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	14/07/2021	13/07/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	43.000-44.000	43.000-44.000	41.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Nam	39.000-42.000	39.000-42.000	39.000-42.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	55.000-57.000	55.000-57.000	53.000-57.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	42.000-45.000	42.000-45.000	42.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	54.000-56.000	54.000-56.000	54.000-56.000
Gà Minh Dur – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	41.000-45.000	41.000-45.000	41.000-57.000

Bảng 10. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	14/07/2021	13/07/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC-Minh Dur	11.000-12.000	11.000-12.000
DOC- Lai chọi Lại Vượng	9.000	9.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	9.000-11.000	8.000-11.000

DOC- Lai Hồ	9.000-12.000	8.500-12.000
-------------	--------------	--------------

Bảng 11. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	14/07/2021	13/07/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại Thường Tín, giá vịt super có chiều hướng lao dốc, xuống còn 39-40.000 đồng/kg do tiêu thụ sụt giảm, trong khi các hộ chăn nuôi lo sợ giá có thể giảm thêm nên bán chạy đàn nhiều hơn khiến nguồn cung đẩy ra thị trường tăng cao.

- Vịt giống super tại miền Bắc điều chỉnh giảm về mức 8-10.000 đồng/con vào giao dịch hôm nay. Dự kiến, giá con giống khu vực này có thể giảm thêm do tình hình tái đàn của trại dân rất trầm lắng.

- Tại miền Nam, giá vịt thịt nhích nhẹ lên đầu giá 38.000 đồng/kg do nguồn cung trong dân hụt nhẹ. Tuy nhiên, tại khu vực Bình Dương, giá lại có xu hướng giảm tiếp, xuống còn 35.000 đồng/kg do lượng vịt tồn kho nhiều hơn trong khi giá vịt giữa các khu vực lân cận không có chênh lệch tốt, việc vận chuyển vịt giữa các vùng cũng gặp nhiều khó khăn.

Bảng 12. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	14/07/2021	13/07/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	39.000-40.000	44.000-45.000	44.000-46.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	36.000-38.000	36.000-37.000	37.000-40.000

Bảng 13. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	14/07/2021	13/07/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	8.000-10.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt Grimaud	8.000-10.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.000-6.000	7.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	6.000	8.000-10.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, giá gà công nghiệp non hôm nay tạm thời chững lại, dao động quanh mức 36.000 đồng/kg cho biểu 3.6-3.7 kg/con với giá gà nhập về chợ (mua xô), giá bán ra đi ngang mức 36-39.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái. Chợ tiêu thụ chưa có nhiều cải thiện, lượng gà đổ về chợ vẫn rất hạn chế, đạt khoảng 3.000 con.

Bảng 14. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	14/07/2021	13/07/2021
Gà công nghiệp non	Mua vào	36.000	36.000

Biểu 3.4kg	Bán ra	36.000-39.000	36.000-39.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	56.000-57.000	56.000-57.000
	Bán ra	60.000-63.000	60.000-63.000
Gà Japfa	Mua vào	51.000-52.000	51.000-52.000
	Bán ra	56.000-58.000	56.000-58.000

C. THỊ TRƯỜNG BÒ

Bảng 15. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	14/07/2021	13/07/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 16. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	14/07/2021	13/07/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 14/7/2021 08:38 14/07

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	Biến động giá 1 ngày	Biến động giá 1 năm	Quy đổi VND/kg
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	16,01	▼0,31	▼22,39	57.000
	(DCE) Kỳ hạn T9/2021	CNY/kg	18,49	▼0,36	-	65.800
	(DCE) Kỳ hạn T11/2021	CNY/kg	17,96	▼0,23	-	63.900
	(DCE) Kỳ hạn T1/2022	CNY/kg	18,73	▼0,37	-	66.700
	(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	17,88	▼0,17	-	63.600
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	72,54	—0,00	▼6,46	52.200

Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	81,06	▼3,99	▲54,03	41.300
----	-----------	--------------	-------	-------	--------	--------

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	Quy đổi VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	7,94	▼0,02	▼0,04	28.230
	Gà trắng giống	CNY/con	0,92	▲0,03	▼1,49	3.270
	Vịt thịt	CNY/kg	8,24	▲0,08	-	29.290
	Vịt giống	CNY/con	0,99	▼0,29	-	3.520
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	32,50	—0,00	-	23.380
	Gà nửa con	Baht/kg	85,00	—0,00	-	61.150
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,00	—0,00	-	12.230
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,43	—0,00	▲0,52	33.060
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,45	▲0,01	▲0,55	33.520

Bảng 3. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	Quy đổi VND/kg
Úc	Giao ngay – Bò thiếu già	Aucent/kg	437,20	▼13,30	▲87,95	76.500
	Giao ngay – Bò cái trung	Aucent/kg	301,30	▲1,20	▲28,80	52.700
	Giao ngay – Bò thiếu trung	Aucent/kg	481,10	▲8,50	▲88,10	84.200
Mỹ	Giao ngay – Bò thiếu	Uscent/pound	124,69	▲2,53	▲28,71	63.600
	Giao ngay – Bò cái tơ	Uscent/pound	124,77	▲4,29	▲29,38	63.600
	(CME) Kì hạn T8/2021	Uscent/pound	121,75	▲1,93	▲22,10	62.100
	(CME) Kì hạn T10/2021	Uscent/pound	127,18	▲1,38	▲27,53	64.800
	(CME) Kì hạn T12/2021	Uscent/pound	132,30	▲0,93	▲32,65	67.400
Brazil	Giao ngay	USD/arroba	61,50	▲0,37	▲20,93	94.800
	(BMFG) Kì hạn T8/2021	BRL/arroba	319,45	▼2,05	▲101,25	97.000
	(BMFG) Kì hạn T9/2021	BRL/arroba	323,65	▼2,90	▲105,50	97.900